

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 371/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông **Bùi Viết V**, sinh ngày 01/6/1992; Địa chỉ thường trú: **Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam**; Địa chỉ cư trú hiện nay: **số A đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

+ Bà **Lương Thị T**, sinh ngày 06/6/1992; Địa chỉ thường trú: **Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**; Địa chỉ cư trú hiện nay: **số A đường P, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** kết hôn với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam** (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2021 ngày 20/10/2021), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông **V** và bà **T** đề nghị Tòa án công nhận vợ chồng ông, bà thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các vấn đề khác. Do đó, cần áp dụng Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông **V** và bà **T** thống nhất xác định vợ chồng có một con chung tên **Bùi Nhật M**, sinh ngày 05/3/2021. Ly hôn, ông **V** và bà **T** thống nhất thỏa thuận: Giao con chung **Bùi Nhật M** cho bà **T** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Xét thấy, ông **V** và bà **T** đã tự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** về việc nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn như sau:

Giao con chung **Bùi Nhật M**, sinh ngày 05/3/2021 cho bà **Lương Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông **Bùi Viết V** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung **Bùi Nhật M** mỗi tháng 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông **V**, bà **T** đã nộp tại biên lai thu số 0001937 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông **Bùi Viết V** và bà **Lương Thị T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Triều, huyện Thăng Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phan Văn Cường